TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Minh

2. Ông Nguyễn Minh Vũ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân khu vực 4 - Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 -Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:149/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị X, sinh năm 1988 "vắng mặt".

2. Bị đơn: Anh Thạch So C, sinh năm 1983 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng:

3.1.Ông Thạch R

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ông Thạch Si T

Địa chỉ cư trú: ấp R, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2025 và bản tự khai cùng ngày, nguyên đơn chị Thạch Thị X trình bày: Chị và anh Thạch So C thành hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/3/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian Su không hạnh phúc vì vợ chồng cảm thấy không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, ly thân từ khoảng tháng 03 năm 2024 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với chị anh Thạch So C. Vợ chồng có 02 con chung là Thạch Thị So Conl Ni S, sinh ngày 23/12/2012 và Thạch Thị So Py G, sinh ngày 03/12/2016, hiện 02 con đang sống cùng với anh Thạch So C, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi Thạch Thị So Py G và để anh C nuôi Thạch Thị So Conl Ni S, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Su khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh Thạch So C không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị X

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Thạch Thị X được ly hôn với anh Thạch So C.

Về con chung: Giao con chung Thạch Thị So Py G, sinh ngày 03/12/2016 cho chị Thạch Thị X nuôi dưỡng. Giao Thạch Thị So Conl Ni S, sinh ngày 23/12/2012 cho anh Thạch So C tiếp tục nuôi dưỡng. Chị X và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con và chị X, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) cho chị Thạch Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: chị Thạch Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thạch So C, có địa chỉ ấp T, xã R, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long . Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2.] Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Thạch Thị X có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Thạch So C được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thạch Thị X và anh Thạch So C kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhân kết hôn số: 39 ngày 28/3/2011 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Thạch Thị X cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, sống không hợp nhau. Hiện tại chị Thạch Thị X xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh Thạch So C. Xét lời trình bày của nguyên đơn cũng phù hợp với lời khai từ người làm chứng mà Tòa án thu thập được. Sự việc tranh chấp Tòa án đã nhiều lần mời anh Thạch So C đến nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh Thạch So C không tham gia. Từ đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị X là phù hợp quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Thạch Thị So Conl Ni S, sinh ngày 23/12/2012 và Thạch Thị So Py G, sinh ngày 03/12/2016, chị X yêu cầu nuôi Thạch Thị So Py G và để anh C nuôi Thạch Thị So Conl Ni S. Xét thấy

con chung Thạch Thị So Conl Ni S có nguyện vọng sống với anh C và Thạch Thị So Py G có nguyện vọng sống với chị X, anh C cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con theo đề nghị của chị X, hiện tại chị X và anh C cũng đủ điều kiện nuôi con nên chấp nhận giao con chung Thạch Thị So Conl Ni S, sinh ngày 23/12/2012 cho anh Thạch So C tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Thạch So C có nghĩa vụ giao con chung Thạch Thị So Py G, sinh ngày 03/12/2016 cho chị Thạch Thị X nuôi dưỡng.

[4]. Về quan hệ cấp dưỡng nuôi con: Chị X và anh C không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị Thạch Thị X và anh Thạch So C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, Su này có phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị X có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội nhưng chị X là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí cho chị X.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị X.

1. Về hôn nhân:

Xử cho Thạch Thị X được ly hôn với anh Thạch So C.

2. Về con chung:

Giao con chung Thạch Thị So Conl Ni S, sinh ngày 23/12/2012 cho anh Thạch So C tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc anh Thạch So C có nghĩa vụ giao con chung Thạch Thị So Py G, sinh ngày 03/12/2016 cho chị Thạch Thị X nuôi dưỡng. Chị X và anh C không

ai phải cấp dưỡng nuôi con và chị X, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn cho chị Thạch Thị X.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- UBND xã Trà Côn, tỉnh Vĩnh Long;
Giấy CNKH số 39 ngày 28/3/2011
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hoàng Phong